TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 227/2025/HNGĐ-ST Ngày: 15-5-2025 V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C , TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Thanh Phong**.

2. Ông **Nguyễn Phúc Viễn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **Ngô Thành Khánh Duy**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Trúc L** , sinh năm 1983; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B , huyện C , tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Trương Văn V** , sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C , tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Trúc L trình bày:*

Chị và anh V cưới nhau vào năm 2021 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, theo số 55, ngày 18/12/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 03 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, anh V có

hành động đánh đập tôi và con gái riêng của chị. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 8/2024 cho đến nay. Hiện chị đang ở nhà cha mẹ ruột, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh V .

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Quốc D , sinh ngày 07/02/2023 hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và lao động được.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trương Văn V đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết.*

* Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên không có thỏa thuận được về nội dung vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị L và anh V là có thật, bởi lẽ hai anh chị đã có thời gian sống ly thân. Về con chung: chị L và anh V có 01 con chung hiện đang sống với chị L và việc chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con là phù hợp. Chị L yêu cầu anh V cấp dưỡng với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Về tài sản chung nợ chung đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và chị L có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân, anh V chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Trúc L có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trương Văn V vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh V .

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con khi ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp T, xã A, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị L cho rằng chị và anh V có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh V . Về con chung, chị L và anh V có 01 con chung đang sống với chị L nên chị L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

[4] Xét yêu cầu của chị L :

[4.1] Về hôn nhân: Chị L và anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 ngày 18/12/2021, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định thì "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Tuy nhiên theo lời trình bày của chị L thì giữa chị L và anh V nhiều lần mâu thuẫn, thời gian kéo dài. Đồng thời, chị L và anh V hiện đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh V và triệu tập anh V nhiều lần đến Tòa để hòa giải, tại phiên tòa hôm nay anh V cũng vắng mặt. Điều đó thể hiện anh V không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị L . Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung:

- Chị L và anh V có 01 con chung là Trương Quốc D , sinh ngày 07/02/2023. Hiện cháu D đang sống cùng chị L và việc chăm sóc con hoàn toàn chị L là người trực tiếp thực hiện. Đồng thời, cháu D hiện dưới 36 tháng tuổi, chị L thì đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, chị L yêu cầu nuôi con là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng:

Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh V cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, hòa giải chị L thay đổi yêu cầu anh V cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu này

không vượt quá phạm vi ban đầu nên được xem xét. Tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình quy định "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định về mức lương tối thiểu vùng tỉnh Tiền Giang năm 2025 của Thị xã Cai Lậy và các huyện C , Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang áp dụng mức lương tối thiểu vùng 3 là 3.860.000 đồng/tháng. Do đó, chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4.3] Về tài sản chung, nợ: Chị L xác định không có và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh V phải chịu án phí cấp dưỡng theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Trúc L .

- Về hôn nhân: Chị Trần Trúc L được ly hôn với anh Trương Văn V .

- Về con chung:

+ Giao con tên Trương Quốc D , sinh ngày 07/02/2023 cho chị Trần Trúc L

trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Anh Trương Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Về án phí:

- Chị Trần Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008473 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C , tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

- Anh Trương Văn V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền